

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đắc Thắng.

Ông Đỗ Viết Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hà Kim Y, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã T1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Phùng Văn D, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Ấp T2, xã T2, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp T1, xã T1, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Hà Kim Y trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1993, bà Y và ông D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1. Sau khi cưới, bà Y và ông D chung sống hạnh phúc. Năm 1994, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông D thường xuyên nhận nhét, kiếm chuyện đánh đập bà Y, bà Y bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống nhưng sau đó hàn gắn được. Đến năm 2012, bà Y và ông D tiếp tục phát sinh mâu thuẫn vì nguyên nhân như trước đây. Ông D

không chịu sửa đổi và mâu thuẫn kéo dài đến tháng 4 năm 2020. Do đó, nhận thấy tình cảm không còn nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà Y và ông D có 02 con chung là anh Phùng Văn T, sinh ngày 09/11/1994 và cháu Huỳnh Thị Yên B, sinh ngày 01/01/2004. Hiện tại anh T đã trưởng thành nên bà Y không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu B đang sống chung với bà Y. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà Y không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phùng Văn D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông D không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông D vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Hà Kim Y yêu cầu ly hôn với ông Phùng Văn D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông D có nơi cư trú tại ấp T1, xã T1, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Phùng Văn D đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông D.

[3] Về hôn nhân: Bà Y và ông D chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 10/8/2004 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà Y và ông D xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông D không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông với bà Y.

Thấy rằng, giữa bà Y và ông D không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà Y và ông D đã trầm trọng, hạnh phúc hôn

nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Y và ông D có 02 con chung là anh Phùng Văn T, sinh ngày 09/11/1994 và cháu Huỳnh Thị Yên B, sinh ngày 01/01/2004. Hiện tại anh T đã trưởng thành nên bà Y không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu B đang sống chung với bà Y. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông D trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của bà Y, nhưng ông D không thể hiện ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung.

Do ông D vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với bà Y về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu B nên cần thiết giao cháu cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B là được sống với bà Y. Nếu sau này bà Y và ông D có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y trình bày ông bà không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Hà Kim Y, bà Y được ly hôn với ông Phùng Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Yên B, sinh ngày 01/01/2004 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49451 ngày 17/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên bà Y đã nộp xong án phí.

Ông D không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Y được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T1;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm